

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

Địa chỉ: Số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam

Số điện thoại: (0272) 3826 127

Số Fax: (0272) 3838 900

Website: <http://tapuco.com>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018



MỤC LỤC



THÔNG TIN CHUNG



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



BÁO CÁO HĐQT



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Rủi ro



THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
Giấy chứng nhận ĐKDN	1100209487 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 03/11/2009, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 23/11/2015.
Vốn điều lệ	14.176.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.176.000.000 đồng
Địa chỉ	Số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam
Số điện thoại	(0272) 3826 127
Số Fax	(0272) 3838 900
Website	http://tapuco.com
Mã cổ phiếu	TAP



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2006

Ngày 27/11/2006: Công ty Công trình Đô thị Tân An được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Công trình Đô Thị Tân An theo quyết định số 2875/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An với số vốn điều lệ hoạt động là 14.167.000.000 đồng (mười bốn tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

2009 - 2013

- Ngày 23/02/2009: Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Đô thị Tân An theo quyết định số 513/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An thành công ty cổ phần.
- Ngày 03/11/2009: Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 08 năm 2010; thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 10 năm 2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2013.

2015

- Ngày 10/12/2015: Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng (thông qua văn bản số 7660/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước). Tính đến năm 2015, Công ty đã đầu tư mua sắm 03 xe ép rác, 01 xe tải ben, mở cửa hàng kinh doanh hoa kiểng, xây dựng vườn ươm cây, nhà hội trường, sửa chữa nhà để xe. Ngoài các hạng mục trên Công ty còn đầu tư mua sắm các thiết bị văn phòng, xe rác đẩy tay,...và trang trí đường phố phục vụ các sự kiện quan trọng và các ngày lễ tết.
- Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tư ngày 25 tháng 3 năm 2015 với số vốn điều lệ không đổi 14.167.000.000 đồng (Mười bốn tỷ một trăm sáu bảy triệu đồng).

2016 - đến nay

- Ngày 30/08/2016: CTCP Đô thị Tân An được HNX chấp thuận đăng ký giao dịch trên sàn Upcom.
- Ngày 07/09/2016: Hơn 1,41 triệu cổ phiếu TAP của CTCP Đô thị Tân An chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM.
- Ngày 26/10/2016: Công ty thành lập Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Công ty Cổ phần Đô thị Tân An.
- Năm 2017: Công ty vẫn duy trì tốt các hoạt động kinh doanh đã đăng ký, đồng thời từ tháng 4/2017 được UBND Thành phố Tân An giao công tác thu giá dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố, là yếu tố thúc đẩy doanh thu của Công ty trong tương lai.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động dịch vụ

- Thực hiện công tác vệ sinh công cộng, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt.
- Quản lý hệ thống thoát nước đô thị, nghĩa trang.
- Quản lý và thi công xây dựng công viên, cây xanh.
- Quản lý và thi công hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.
- Xây lắp dân dụng và xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Kinh doanh hoa kiểng và cây xanh các loại.
- Chăm sóc cây cảnh, sân vườn.
- Sửa chữa xe chuyên dùng.
- Kinh doanh xăng dầu.

Hoạt động thi công lắp ráp

- Thi công lắp ráp.
- Trồng cây xanh, cỏ công viên và đường phố.
- Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.
- Hệ thống thoát nước đô thị.
- San lấp dân dụng và xây dựng cơ sở hạ tầng.

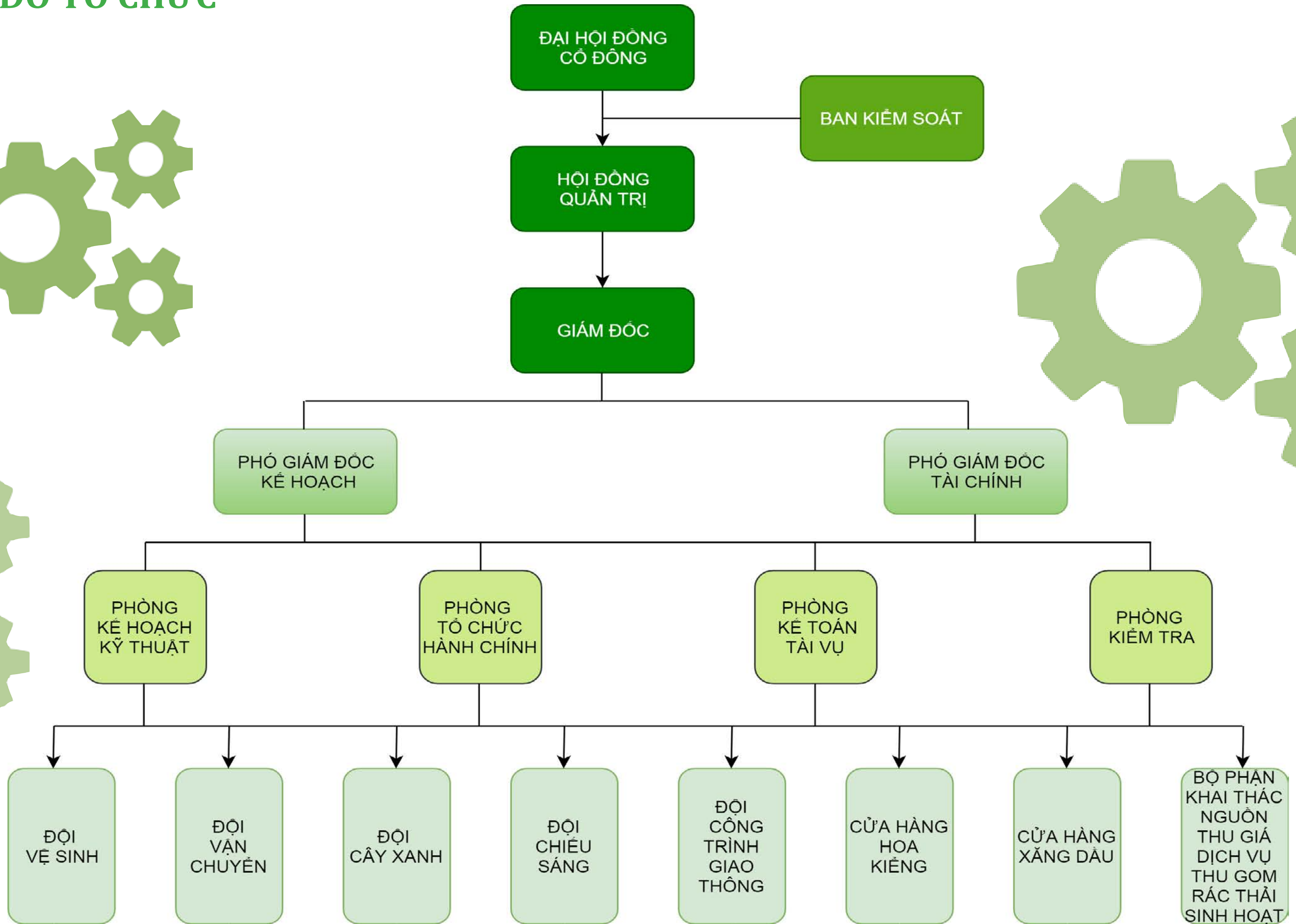


ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thành phố Tân An và các huyện lân cận trực thuộc Tỉnh Long An.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Luôn nỗ lực cung cấp dịch vụ có chất lượng và nhanh chóng nhằm làm hài lòng khách hàng.
- Tập trung nguồn lực hỗ trợ thúc đẩy tiến trình đô thị hóa.
- Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Sắp xếp và tinh giản bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng chuyên môn hóa, để nâng cao hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng công tác tìm kiếm nhân lực mới cùng với đào tạo và sắp xếp nhân sự sao cho đạt hiệu quả cao nhất.
- Tiến hành các hoạt động nghiên cứu thị trường nhằm tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới và thu hút nguồn vốn đầu tư vào công ty.
- Cải thiện và nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty bằng việc thay mới những trang thiết bị đã lỗi thời, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động điều hành, quản lý và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Xây dựng và duy trì vẻ mỹ quan đô thị của tỉnh Long An, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh đến các huyện và các tỉnh lân cận.
- Xây dựng những chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng cho cán bộ, viên chức trong công ty.
- Tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động tình nguyện, hoạt động Đền ơn đáp nghĩa...để góp phần giúp đỡ và cải thiện đời sống người dân địa phương.
- Tổ chức và tham gia các hoạt động nâng cao ý thức



CÁC RỦI RO HOẠT ĐỘNG



RỦI RO KINH TẾ

Bất cứ Công ty nào hoạt động trong một nền kinh tế chung đều chịu tác động từ rủi ro kinh tế. Đặc biệt trong ngành Dịch vụ công ích, tình hình kinh tế phát triển chính là nhân tố quan trọng để Chính Phủ ra quyết định đầu tư vốn xây dựng các khu đô thị và cảnh quan hoàn thiện cho các địa phương trong nước.

Tổng kết năm 2017, tình hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam khá thuận lợi. Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 7,08% so với năm 2017.

Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát tình hình, diễn biến của nền kinh tế để nắm bắt những cơ hội đầu tư thuận lợi cho Công ty cũng như phòng tránh những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty mà nền kinh tế mang lại.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Sự phát triển của một nền kinh tế thường kéo theo những ảnh hưởng xấu đến môi trường thiên nhiên và kể cả môi trường sống của chính con người. Việt Nam đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với thị trường thế giới. Việc số lượng nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào tỉnh Long An tăng lên trong năm 2018 là một tín hiệu đáng mừng, nhưng kéo theo đó là nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường từ việc khai thác, sản xuất và chất thải từ các nhà máy, xí nghiệp. Thế nên, việc bảo vệ môi trường đang rất được các cơ quan nhà nước và toàn xã hội quan tâm.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, vì lợi ích xã hội, Công ty luôn ý thức được vai trò của mình trong việc tạo nên một môi trường đô thị xanh, sạch, đẹp. Vì vậy Công ty luôn phấn đấu nhằm bảo vệ mỹ quan đô thị, xây dựng những công trình, trồng và chăm sóc cây xanh, tạo

thêm những mảng xanh cho thành phố.

Ngoài ra, Công ty còn có nguồn thu nhập từ mảng kinh doanh xăng dầu, là mặt hàng kinh doanh có điều kiện, tiềm ẩn nhiều nguy cơ cháy nổ và ô nhiễm môi trường. Vì vậy, Ban Lãnh đạo Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định pháp luật nhằm hạn chế tối đa tác động đến môi trường cũng như đảm bảo môi trường sạch, an toàn cho người lao động.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Vì là một doanh nghiệp công ích nên Công ty không thể chủ động được giá thành sản phẩm, dịch vụ do đơn giá thực hiện theo khung quy định của các cơ quan ban ngành, mức giá này thường không theo kịp với mức tăng trong chi phí đầu vào của công ty. Với việc giá đầu vào có sự biến động mà giá đầu ra lại được quản lý chặt chẽ đã tạo nên một rủi ro đặc thù chung cho các công ty hoạt động trong ngành công ích, an sinh xã hội. Hiện tại, hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh Long An đang dần hoàn thiện nhưng nhiều khu vực vẫn chưa được xây dựng hoàn chỉnh, điều này đã ảnh hưởng đến công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, mức sống của người dân chưa cao cùng với việc một số nơi mật độ phân bố dân cư còn thưa thớt đã phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là công ty cổ phần, công ty phải chịu sự ảnh hưởng từ Luật Doanh Nghiệp. Thêm vào đó, công ty đang niêm yết cổ phiếu trên sàn UpCom với mã Cổ phiếu TAP, nên sẽ chịu ảnh hưởng từ Luật Chứng Khoán. Hiện nay, dự thảo Luật Chứng Khoán đang được thảo luận, nên công ty cần theo sát những thông tin xung quanh vấn đề Luật Chứng Khoán được thay đổi để có thể đáp ứng đúng yêu cầu mà luật đề ra.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro đã nêu ra ở trên, công ty còn chịu nhiều rủi ro bất khả kháng như bão lũ, hỏa hoạn, có thể làm thiệt hại những công trình, cây xanh, gây khá nhiều tổn thất bất ngờ cho công ty. Để khắc phục những rủi ro mang tính bất ngờ và bất khả kháng như thế này, công ty nên thường xuyên phân bổ nhân lực kiểm tra trang thiết bị, đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy để có thể xử lý kịp thời, cũng như nên có những biện pháp phòng tránh khi thiên tai xảy ra.



CUỘC SỐNG “XANH”

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của
chủ sở hữu



HÀNH TINH “XANH”

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

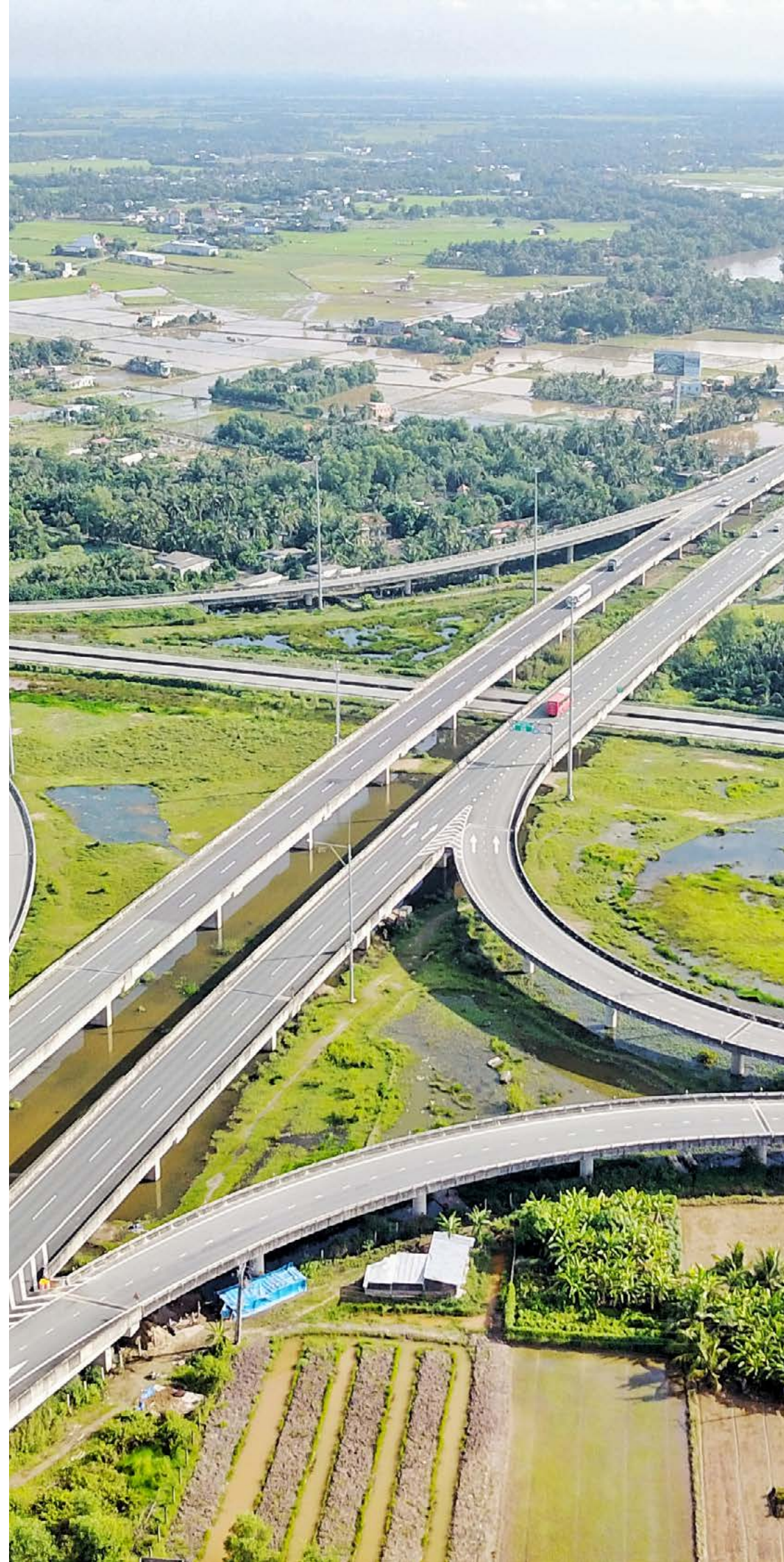
Năm 2018 doanh thu thuần tăng 27,78% so với năm 2017. Nguyên nhân có hai khoảng doanh thu tăng:

Thứ nhất: doanh thu kinh doanh xăng dầu tăng cao hơn so năm 2017, tuy nhiên lợi nhuận không tăng, do chiết khấu từ đại lý cấp một là Công ty Vật tư Long An Petro giao cho Công ty thấp, năm 2018 giá xăng dầu biến động liên tục và giá giảm, ảnh hưởng đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh này.

Thứ hai: doanh thu xử lý rác: Năm 2018, thành phố Tân An giao Công ty ký hợp đồng thanh toán tiền xử lý rác cho Công ty TNHH Tâm Sinh Nghĩa, Công ty dùng nguồn thu tiền phí vệ sinh để thanh toán cho Tâm Sinh Nghĩa, nguồn thu này không đủ nên ngân sách phải cấp bù, do vậy nguồn thu từ phí vệ sinh và ngân sách cấp bù đã làm tăng doanh thu, thực tế thì thu bao nhiêu chi trả cho Công ty Tâm Sinh Nghĩa, lợi nhuận hầu như là rất thấp. Các loại doanh thu khác thì không biến động so với năm 2017.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng / giảm
Tổng tài sản	37.114	38.260	3,09%
Doanh thu thuần	70.145	89.635	27,78%
Lợi nhuận từ HĐKD	4.650	5.386	15,83%
Lợi nhuận khác	22	36	62,35%
Lợi nhuận trước thuế	4.672	5.422	16,05%
Lợi nhuận sau thuế	3.727	4.288	15,03%



CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng

	Năm 2017	Tỉ trọng	Năm 2018	Tỉ trọng
Doanh thu thi công công trình	1.100	2%	367	0,4%
Dịch vụ công ích	31.086	44%	37.887	42,26%
Sửa chữa thường xuyên cầu đường	3.810	5%	3.086	3,4%
Doanh thu xăng dầu	26.495	38%	35.158	39,22%
Doanh thu phí rác sinh hoạt	4.742	7%	10.597	11,82%
Khác	2.913	4%	2.539	2,8%
Cộng	70.146		89.635	27,78%

Cơ cấu doanh thu năm 2018 của Công ty không có nhiều thay đổi. Tỷ trọng lớn nhất vẫn là mảng Dịch vụ công ích (42,26%) và Doanh thu xăng dầu (39,22%). Tuy nhiên năm nay ghi nhận sự tăng trưởng tốt của mảng thu phí rác sinh hoạt. Tổng kết năm doanh thu tăng trưởng 27,78% so với năm 2017

CƠ CẤU CHI PHÍ NĂM 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	% Tăng /Giảm
Giá vốn hàng bán	59.161	76.574	29,43%
Chi phí tài chính	-	-	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	
Chi phí bán hàng	69	74	7,15%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.483	7.719	19,06%
Chi phí khác	13	15	15,38%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	945	1.134	20%

Cùng với sự tăng trưởng doanh thu, chi phí hoạt động của doanh nghiệp cũng tăng theo. Bên cạnh việc quản lý và kiểm soát tốt các chi phí bán hàng và các chi phí khác công ty đang đối mặt với việc gia tăng giá vốn hàng bán.

Trong năm công ty vẫn duy trì chính sách tiết kiệm và quản lý chi phí hợp lý nên tỷ trọng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần tiếp tục ổn định ở mức 0,1% và 9%.

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố: trong năm 2018, nhờ vào việc sử dụng lao động hiệu quả chi phí nhân công đã giảm 13% tuy nhiên chi phí nguyên vật liệu lại tăng 15%

Chi phí quản lý doanh nghiệp: năm 2018 chi phí QLDN tăng 19,06% do sự tăng lên của chi phí nhân viên quản lý

KẾ HOẠCH NĂM 2019

Công ty không đầu tư về tài sản hay các hoạt động khác do chuẩn bị làm hồ sơ thoái vốn của Nhà nước. Tuy nhiên đầu năm 2019 Công ty có nhận mảng hoạt động dịch vụ công ích của Trung Tâm hạ tầng Huyện Tân Trụ thuộc tỉnh Long An, do Trung tâm hạ tầng huyện Tân Trụ có quyết định giải thể, hoạt động về dịch vụ công ích bàn giao cho Công ty tiếp nhận, đây là loại hình hoạt động chiến lược của Công ty, có nhiều thuận lợi mang lại lợi nhuận cho đơn vị.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Lý lịch ban điều hành

NGUYỄN THỊ HỒNG VY

Năm sinh: 1965

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 46.750 cổ phần

Đại diện phần vốn: 283.340 cổ phần

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Chức vụ
10/1984 - 9/1989	Phòng Tài chính Thị xã Tân An - Long An	Kế toán
10/1989 - 12/1989	Văn phòng UBND thị xã Tân An - Long An	Kế toán
01/1990 - 9/2004	Công ty Công trình Đô thị Tân An	Kế toán
10/2004 - 9/2006	Công ty Công trình Đô thị Tân An	Kế toán trưởng
10/2006 - 10/2009	Công ty Công trình Đô thị Tân An	Phó giám đốc
11/2009 - 10/2015	Công ty cổ phần Đô thị Tân An	Phó giám đốc
11/2015 đến nay	Công ty cổ phần Đô thị Tân An	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

NGUYỄN MINH NHỰT

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm Kỹ thuật

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Chức vụ
4/2005 - 5/2006	Sở Công nghiệp Tỉnh Long An	Cán bộ kỹ thuật
6/2006 - 9/2008	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An	Cán bộ kỹ thuật
10/2008 - 10/2009	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An	Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật
11/2009 - 12/2011	Công ty cổ phần Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật
01/2012 - 3/2014	Công ty cổ phần Đô thị Tân An	Trưởng Phòng Kế hoạch kỹ thuật
04/2014 đến nay	Công ty cổ phần Đô thị Tân An	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ

NGUYỄN THỊ NGỌC TRÚC

Năm sinh: 1964

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Chức vụ
7/1988 - 11/1990	Công ty Dịch vụ Cơ khí Nông nghiệp Mộc Hóa	Kế toán
12/1990 - 08/1993	Xí nghiệp Cơ khí Thủy nông huyện Mộc Hóa	Kế toán
09/1993 - 01/1995	Trạm Quản lý Thủy nông huyện Mộc Hóa	Kế toán
02/1995 - 11/2002	Ban Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Nguyễn Văn Tiếp	Kế toán
12/2002 - 9/2006	Công ty Công trình Đô thị Tân An - Thị xã Tân An	Kế toán
10/2006 - 10/2009	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An	Kế toán trưởng
11/2009 - 10/2015	Công ty cổ phần Đô thị Tân An	Kế toán trưởng
11/2015 đến nay	Công ty cổ phần Đô thị Tân An	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ kiêm Kế toán trưởng

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	177	100%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	20	11,29%
3	Trình độ trung cấp	4	2,25%
4	Công nhân kỹ thuật	47	26,55%
5	Lao động phổ thông	106	59,88%
II	Theo loại hợp đồng lao động	177	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	167	94,35%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	10	5,65%
III	Theo giới tính	177	100,00%
1	Nam	124	70%
2	Nữ	53	30%

THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2015	190	7.000.000
2	2016	187	7.800.000
3	2017	184	8.200.000
4	2018	178	9.000.000



TỔNG SỐ NHẬN SỰ

177
NGƯỜI





Thực hiện Nghị định 60/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 điều 63 của Bộ Luật Lao động về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc và Hướng dẫn của Liên đoàn lao động tỉnh, LĐLĐ thành phố Tân An; Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết Hội nghị Người lao động Công ty năm 2017, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty báo cáo kết quả thực hiện như sau:

- Về nội quy lao động: 100% NLĐ tuân thủ đầy đủ theo nội quy của công ty.
- Về Quy chế tiền lương: không có ý kiến khác với phương án chi trả lương (đối với đơn vị nhận khoán), cũng như hình thức và mức lương thời gian mà Công ty đã thoả thuận và chi trả.
- Về Quy chế thưởng, ý kiến của cán bộ công nhân viên là: 100% nhất trí với mức chi thưởng theo mức độ hoàn thành kế hoạch, đối với đơn vị khoán hoặc không nhận khoán.
- Về các Quy chế khác, ý kiến của cán bộ công nhân viên, NLĐ là: không có ý kiến khác.
- Định kỳ hàng tháng, BCH CĐCS chủ động tuyên truyền phổ biến đến người lao động nội dung của 60/2013/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động thông qua các phiên họp định kỳ của công đoàn cơ sở.

Kết quả phối hợp giải quyết các kiến nghị của người lao động, đoàn viên công đoàn liên quan đến chính sách chế độ và công tác công đoàn.

Trong năm, BCH Công đoàn công ty không có kiến nghị nào của người lao động, đoàn viên công đoàn liên quan đến chính sách chế độ và công tác công đoàn.

THU NHẬP BÌNH QUÂN
9.000.000 Đ

Kết quả thực hiện thoả ước lao động tập thể của Công ty trong năm qua.

Những nội dung được thực hiện:

- Tình hình ký kết Hợp đồng lao động: 177 người, đạt tỷ lệ 100%.
- Tình hình thực hiện Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm Y tế cho người lao động: 177 người đạt tỷ lệ 100%
- Chế độ lương, nâng lương nâng bậc, thưởng cho người lao động tại Doanh nghiệp thực hiện theo pháp luật lao động.
- Các phúc lợi (tham quan): hiếu hi: 500.000 đồng/người, ốm đau: 300.000 đồng/người): thực hiện đầy đủ theo thoả ước lao động đã ký kết.
- Công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động. Công ty thực hiện định kỳ việc huấn luyện, tập huấn đối với lao động trong các lĩnh vực đặc thù như kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ...
- Công tác phối hợp tham gia tuyên truyền phổ biến nội quy lao động, pháp luật lao động và các hoạt động chăm lo cho người lao động

Công tác thi đua khen thưởng.

Để kịp thời động viên khuyến khích người lao động tham gia phong trào thi đua lao động sản xuất, hàng năm BCH Công đoàn phối hợp với CT.HĐQT, Giám đốc công ty phát động phong trào thi đua phấn đấu về thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ quan an toàn về an ninh trật tự, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, đạt năng suất chất lượng cao. Thông qua việc giao kế hoạch đến từng trưởng các bộ phận của đơn vị về kế hoạch hoạt động SXKD, các Tổ công đoàn bộ phận sẽ phát động công đoàn viên thi đua lao động giỏi, xây dựng đơn vị văn hoá, thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động. Ban Nữ công phát động phong trào thi đua 2 giỏi "giỏi việc cơ quan, đảm việc nhà" vận động chị em tích cực tham gia học tập, chuyên môn nghiệp vụ, lao động sáng tạo trong sản xuất, chăm sóc sức khỏe, giúp nhau cải thiện đời sống. Qua đợt phát động thi đua đã xuất hiện nhiều tấm gương điển hình tiên tiến trong lao động sản xuất, thực hiện nghiêm túc trung tiết kiệm chống lãng phí.

* Danh hiệu thi đua đối với tập thể, cá nhân:

Về tập thể:

LĐLĐ Tỉnh tặng bằng khen: CĐCS Công ty CP Đô thị Tân An.

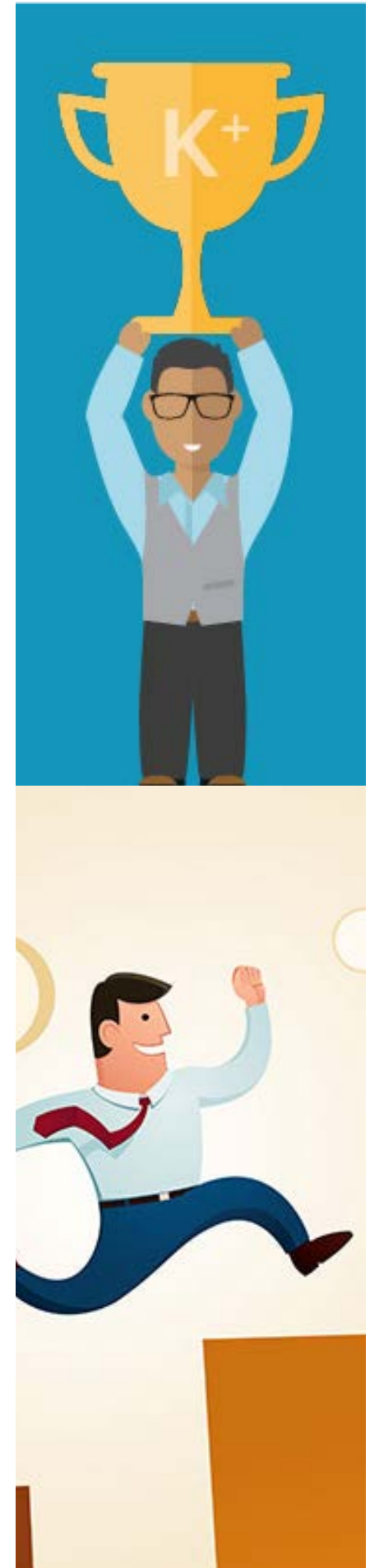
CĐCS Công ty Cổ phần Đô thị Tân An được công nhận đạt vững mạnh nhiều năm liền.

Về cá nhân:

LĐLĐ Tỉnh tặng bằng khen: (Hoạt động nữ công: 01; Hoạt động công đoàn: 01)

Dự thảo thoả ước lao động tập thể mới hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung Thoả ước lao động tập thể

Toàn thể CNVC, NLĐ nhất trí với các điều khoản trong thoả ước lao động tập thể đang thực hiện, không có ý kiến sửa đổi, bổ sung.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng / giảm 2018
1	Tổng tài sản	37.115	38.260	3,09%
2	Doanh thu thuần	70.146	89.635	27,78%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.650	5.387	15,83%
4	Lợi nhuận khác	22	36	62,35%
5	Lợi nhuận trước thuế	4.673	5.423	16,05%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.728	4.288	15,03%

Hầu hết chỉ tiêu tài chính đều tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các chỉ tiêu về lợi nhuận. Cụ thể, giá trị tổng tài sản tăng 2%, tương ứng với 38,26 tỷ đồng. Doanh thu thuần trong năm đạt giá trị 89.6 tỷ đồng tăng 27,8% so với cùng kỳ năm ngoái.



CÔNG TY CP ĐÔ THỊ TÂN AN TAPUCO

Phân tích chỉ số tài chính

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2017	2018
I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,77	1,78
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,62	1,46
II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,03	41,52
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	72,49	71,00
III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	32,30	22,03
2	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,97	2,38
IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,31	4,78
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,63	19,54
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	10,46	11,38
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,63	6,01

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Tài sản ngắn hạn của công ty chủ yếu là Tiền /Các khoản tương đương tiền chiếm 37% và các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 35%. Tuy nhiên việc hàng tồn kho tăng lên từ 2,2 tỷ lên 4,7 tỷ đã khiến cho hệ số thanh toán kém hơn so với năm 2017. Trong năm giá các hàng hóa và công cụ dụng cụ phục vụ cho hoạt động của Công ty tăng mạnh khiến cho tổng hàng tồn kho tăng mạnh so với năm 2017.

Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn của Công ty lành mạnh: Hệ số Nợ /Tài sản và Nợ/VCSH có xu hướng giảm dần qua các năm. Nợ của công ty chủ yếu là các khoản phải trả và hoàn toàn không có nợ vay. Nên những rủi ro về áp lực trả lãi vay của công ty hầu như không có. Kết thúc năm 2018, nợ trên tổng tài sản chiếm 41,52% và nợ trên vốn chủ sở hữu chiếm 71%

Chỉ tiêu về hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 là 22,03 vòng giảm so với năm 2017 (32,3 vòng) nguyên nhân chủ yếu do sự tăng lên của hàng tồn kho trong bối cảnh Công ty khá bị động đối với giá nguồn Nguyên vật liệu đầu vào. Vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,97 vòng lên 2,38 nhờ sự tăng trưởng 15,03% của LNST trong khi tổng tài sản không có thay đổi gì nhiều.

Khả năng sinh lời

Nhìn chung chỉ tiêu khả năng sinh lời năm 2018 của TAP đều cải thiện. Doanh thu tăng 27,78% nhưng chiết khấu của mảng kinh doanh xăng dầu giảm, phí vệ sinh không đủ trả cho các công ty xử lý vệ sinh môi trường – làm giảm doanh thu từ ngân sách nhà nước khiến cho lợi nhuận sau thuế của công ty không tăng mạnh được như doanh thu.

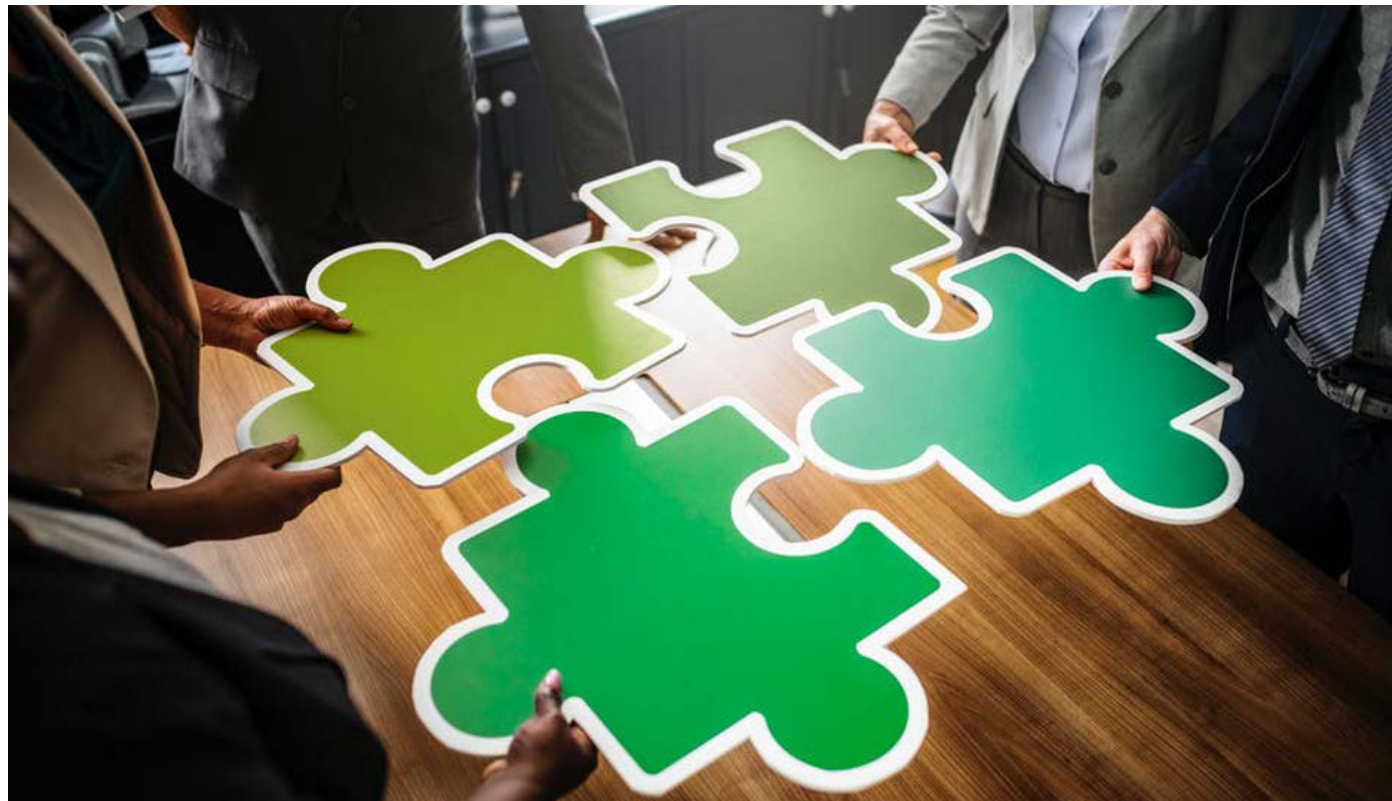
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Số lượng cổ phần	: 1.416.700 cổ phần
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phần
Số cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phần
Số cổ phần phổ thông lưu hành	: 1.416.700 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần

STT	Loại cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VDL
I	Cổ đông trong nước	1.416.700	14.167.000.000	100%
1	Cổ đông nhà nước	850.020	8.500.200.000	60%
2	Cổ đông tổ chức	261.340	2.613.400.000	18%
3	Cổ đông cá nhân	305.340	3.053.400.000	22%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	0%
1	Cá nhân			0%
2	Tổ chức			0%
III	Cổ phiếu quỹ			
Tổng cộng		1.416.700	14.167.000.000	

Danh sách cổ đông lớn tính đến ngày 31/12/2018

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hoà	241.340	17,03%
2	Ủy ban nhân dân tỉnh Long An	850.020	60%
Tổng cộng		1.091.360	77,03%



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

ĐVT: Đồng

	Năm 2017	Năm 2018	%Tăng/Giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	70.145.816.489	89.635.265.423	27,78%
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Doanh thu thuần	70.145.816.489	89.635.265.423	27,78%
Giá vốn hàng bán	59.161.945.221	76.574.632.666	29,43%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.983.871.268	13.060.632.757	18,91%
Doanh thu hoạt động tài chính	219.610.858	119.466.999	-45,60%
Chi phí tài chính	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-
Chi phí bán hàng	69.270.074	74.222.137	7,15%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.483.717.936	7.719.209.813	19,06%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.650.494.116	5.386.667.806	15,83%
Thu nhập khác	35.261.347	52.113.550	47,79%
Chi phí khác	13.005.596	15.980.519	22,87%
Lợi nhuận khác	22.255.751	36.133.031	62,35%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.672.749.867	5.422.800.837	16,05%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	945.112.874	1.134.765.231	20,07%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	3.727.636.993	4.288.035.606	15,03%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.237	2.554	14,21%

Trong năm, hoạt động kinh doanh của của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực. Tổng doanh thu đạt 89,6 tỷ đồng, trong đó doanh thu mảng dịch vụ công ích đạt 37,8 tỷ đồng chiếm 42,26% tổng doanh thu, tỷ trọng giảm so với năm 2017 (chiếm 44,32%). Tuy nhiên việc sụt giảm này không đáng ngại vì doanh thu dịch vụ công ích vẫn tăng, tỷ trọng giảm do sự tăng trưởng doanh thu của mảng xăng dầu và thu phí rác sinh hoạt.

Theo đó doanh thu thuần năm 2018 tăng trưởng 27,78%, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng 15,03% đạt 4,28 tỷ đồng, Công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

PHÂN TÍCH CẤU TRÚC TÀI SẢN

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	%tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu Đồng	25.347	26.247	3,5%
Tài sản dài hạn	Triệu Đồng	11.768	12.013	2%
Tổng tài sản	Triệu Đồng	37.115	38.260	3,08%
Vòng quay tài sản	Vòng	1,97	2,38	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10,46%	11,38%	

Phần lớn tài sản công ty là tài sản ngắn hạn trong đó tài sản ngắn hạn chủ yếu là tiền/ Các khoản tương đương tiền (37%); Các khoản phải thu ngắn hạn (35%) và hàng Tồn kho (17%). Cơ cấu tài sản rất thanh khoản cho phép công ty linh hoạt trong các hoạt động kinh doanh của mình. Trong khi đó tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định (văn phòng, nhà xưởng, xe rác.....) với tình hình tài sản cố định còn lại chiếm 50% nguyên giá.



PHÂN TÍCH CẤU NGUỒN VỐN

ĐVT: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	%tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu Đồng	14.304	14.777	3,31%
Nợ dài hạn	Triệu Đồng	1.294	1.109	-14,30%
Tổng nợ	Triệu Đồng	15.598	15.886	1,85%
Vốn chủ sở hữu	Triệu Đồng	21.516	22.374	5,7%
Tổng nguồn vốn	Triệu Đồng	37.115	38.260	3,08%

Công ty không có nợ vay, nợ chủ yếu là nợ ngắn hạn trong đó phần lớn là phải trả nhà cung cấp. Cơ cấu nguồn vốn luôn ổn định qua các năm. Trong năm công ty không có phát hành tăng vốn điều lệ, sự tăng trưởng của Vốn chủ sở hữu phần lớn do lợi nhuận giữ lại. Điều đáng nói là Ban lãnh đạo công ty luôn chủ trương hạn chế việc vay nợ, mọi hoạt động đầu tư đều là vốn tự có.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường.

Báo cáo tác động liên quan đến xã hội.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu cho các hoạt động của cơ sở được trình bày trong bảng sau

STT	Nguyên liệu/nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	Túi bầu (nylon)	kg/năm	500	Túi bầu
2	Chế phẩm sinh học	kg/năm	100	Xử lý bùn hầm cầu
3	Chlorine	kg/năm	20	Xử lý nước thải
4	Dầu nhớt	lít/năm	300	Bảo trì xe
5	Dầu DO	lít/năm	2000	Nhiên liệu xe

XÃ HỘI

Nội dung	
Ứng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa	4.000.000 đồng
Ứng hộ quỹ vì người nghèo	25.830.000 đồng
Quỹ tấm lòng vàng	8.750.000 đồng
Ứng hộ xây dựng mái ấm công đoàn cho một lao động	10.000.000 đồng
Ứng hộ cho các tổ chức địa phương trong công tác tuyển quân, các gia đình chính sách, thương binh liệt sĩ, trường học	24.500.000 đồng



Environmental Sustainability

Tiêu thụ điện

Nguồn cấp điện cho cơ sở từ lưới điện quốc gia đáp ứng cho hoạt động của cơ sở, nhu cầu sử dụng điện trung bình 1.000 kWh/tháng tương đương 12.000 kWh/năm.

Tiêu thụ nước

STT	Nguồn phát sinh	Biện pháp giảm thiểu
1	Nước thải	Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại tự thấm.
2	Nước mưa chảy tràn	Nước mưa chảy tràn tự thấm xuống đất
3	Chất thải rắn thông thường	- Bố trí nhân viên vệ sinh nội vi mỗi ngày. - Trang bị thùng chứa rác sinh hoạt tại văn phòng. - Xe ép rác của cơ sở thu gom xử lý theo quy định.
4	Chất thải nguy hại	- CTNH được thu gom chứa trong thùng chứa đặt tại nhà xe. - Lượng chất thải nguy hại phát sinh ít dưới 600 kg/năm nên chưa hợp đồng thu gom xử lý.
5	Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông	- Quét dọn sân đường, tưới nước đường hạn chế bụi. - Kiểm soát tốc độ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở. - Trồng cây xanh xung quanh cơ sở.
6	Mùi hôi từ xe chở ép rác, xe bồn kín	- Xe ép rác đóng kín cửa thùng, khóa chặt van trong quá trình vận chuyển và đậu xe tại cơ sở xung quanh. - Xe ép rác và xe bồn kín được bảo trì bảo dưỡng định kỳ, ngăn chặn nước rỉ rác trong thùng xe, bồn chứa ra bên ngoài.
7	Mùi hôi từ khu vực tập kết bùn hầm cầu	- Lắp đặt mái che thấp và kín tại khu vực xử lý bùn hầm cầu để hạn chế khuếch tán mùi ra môi trường xung quanh. - Sử dụng chế phẩm sinh học để khử mùi. - Trồng cây xanh xung quanh cơ sở hạn chế khuếch tán mùi hôi ra môi trường xung quanh.
8	Tiếng ồn từ hoạt động vận chuyển	- Khu vực văn phòng cách ly với môi trường bên ngoài. - Kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng xe cộ định kỳ. - Giảm tốc độ vận chuyển xe khi ra vào cơ sở.
9	Ảnh hưởng của nước mặt đến chất lượng nước ngầm	Thu gom nước thải rửa xe, nước rỉ từ bồn nạo vét, bùn hầm cầu về hố ga chứa bùn hầm cầu 2 (hồ sinh học) để xử lý, lưu chứa.
10	Phòng cháy chữa cháy	- Nhân viên của cơ sở được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cứu nạn cứu hộ. - Nhiên liệu lưu trữ nơi an toàn. - Trang bị đầy đủ thiết bị PCCC.
11	An toàn lao động	- Lập nội quy an toàn lao động tại cơ sở. - Bố trí thời gian làm việc hợp lý. - Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân thực hiện đúng nội quy lao động. - Người lao động được trang bị bảo hộ theo đặc thù công việc.
12	Phòng ngừa sự cố vận hành hệ thống xử lý chất thải	Hệ thống xử lý bùn nạo vét, bùn hầm cầu và nước thải được vận hành đúng quy trình kỹ thuật. Kiểm tra, theo dõi hoạt động xử lý nước thải mỗi ngày.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TAP LUÔN CAM KẾT ĐẢM BẢO TÍNH CÔNG KHAI MINH BẠCH THÔNG TIN KỊP THỜI CHÍNH XÁC TRONG HOẠT ĐỘNG, ĐỒNG THỜI NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ QUẢN TRỊ TRÊN CƠ SỞ THAM KHẢO THÔNG LỆ QUỐC TẾ

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên. Trong suốt quá trình thực hiện trách nhiệm quản trị của mình các thành viên HĐQT đã hết mình thực hiện trách nhiệm của mình trong vai trò định hướng hướng phát triển cho công ty, chỉ đạo giám sát hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt kết quả tốt nhất cho sự phát triển vững mạnh của TAP



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm qua, Công ty đã xuất sắc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao cho. Tuy tình hình hoạt động kinh doanh có những khó khăn nhất định nhưng với sự đồng lòng của cả tập thể công ty Cổ phần Đô thị Tân An, Công ty đã thành công trong việc đối phó với những biến động của tình hình, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tổ chức sản xuất kinh doanh để tối đa hóa được doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty.

Tất cả các khoản thu chi đều minh bạch, rõ ràng, hợp pháp và thực hiện đúng quy định hiện hành. Bên cạnh đó các chính sách chăm lo cho người lao động luôn được Ban Giám đốc quan tâm thực hiện đúng pháp luật.

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng /Giảm
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	70.145.816.489	89.635.265.423	27,78%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.672.749.867	5.422.800.837	16,05%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.727.636.993	4.288.035.606	15,03%

Năm qua LNST của công ty tăng trưởng 15,03% , đây là sự nỗ lực của toàn thể công ty. Tuy nhiên Công ty cần cẩn trọng hơn trong năm 2019.

- Dự báo là nền kinh tế thế giới sẽ còn nhiều khó khăn.
- Môi trường ngày một ô nhiễm và ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn thấp - khiến cho công tác cấp thoát nước, vệ sinh đường phố gặp nhiều trở ngại.
- Cơ chế về ngân sách của Nhà nước chưa linh hoạt.

Những điều đó tạo ra một thách thức rất lớn đối với công ty trong năm 2019.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ giao để điều hành và theo dõi sát kết quả thực hiện.

Ban Giám đốc Công ty đã phân công cụ thể từng thành viên. Các thành viên BGD chủ động trong chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD hàng ngày.

Nói chung năm 2018 tuy gặp nhiều khó khăn nhưng với tinh thần đoàn kết nhất trí cao và kinh nghiệm của mình BGD đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà HĐQT giao phó. BGD đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định về quyền hạn và trách nhiệm của mình, đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ khắc phục khó khăn, triển khai thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2019

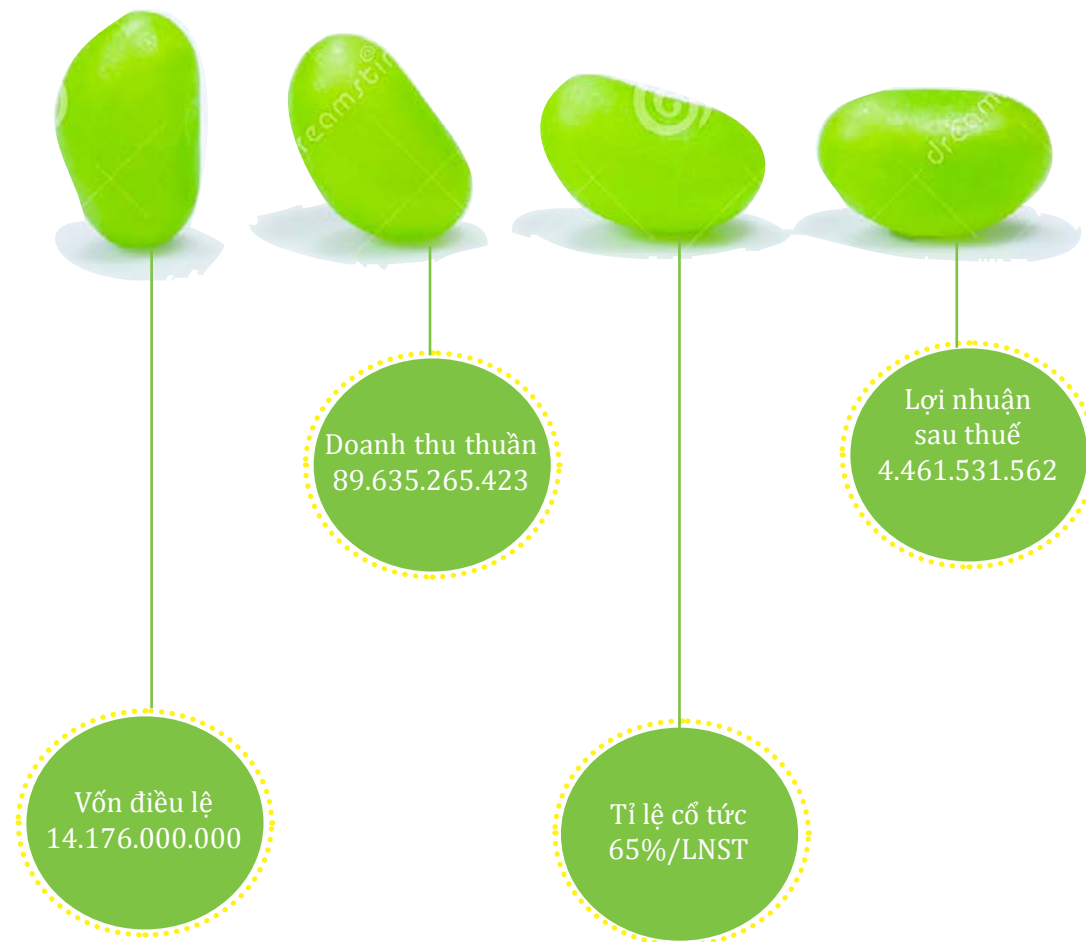
Tình hình kinh tế chung

Thuận lợi: năm 2019 nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới. Trong bối cảnh mật độ dân cư các khu vực ngoài trung tâm như Long An ngày một tăng lên khiến nhu cầu về lĩnh vực tiện ích công cộng ngày một cao. Đây là cơ hội rất lớn cho sự tăng trưởng của Công ty Cổ Phần Đô thị Tân An

Khó khăn: ngân sách chi cho dịch vụ công ích chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; cán bộ chưa được củng cố kiến thức đầy đủ ở các bộ phận trực thuộc và trình độ, năng lực cán bộ còn một số hạn chế nhất định; chi phí hoạt động sản xuất ngày càng tăng lên, nhất là sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành nghề và chuẩn bị hồ sơ năng lực để tham gia đấu thầu thực hiện các dịch vụ công ích đô thị.....



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019



- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc được quy định trong Điều lệ Công ty, nhất là phát huy và đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo đảm bảo thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên được thông qua. Công ty hoạt động ổn định và từng bước phát triển, bảo đảm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng quản trị. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty, bảo đảm tài chính Công ty an toàn, hiệu quả. Kiểm tra và chỉ đạo chấp hành nghiêm chỉnh việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính theo đúng Quy chế tài chính của Công ty và của Nhà nước. Tăng cường quản lý, điều hành hoạt động Cửa hàng xăng dầu theo biến động thị trường bảo đảm chặt chẽ, nhạy bén, hiệu quả.
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Giám đốc, các Phó Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, bảo đảm thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- Lập hồ sơ năng lực của Công ty, hồ sơ quản lý chất lượng của Công ty, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực tài chính để tham gia đấu thầu có hiệu quả các dịch vụ công ích và xây dựng cơ bản có liên quan đến ngành nghề của Công ty.
- Mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư ngành nghề mới, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầu tư các dự án đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả của dự án.
- Về nhân sự, lao động: nâng cao chất lượng lực lượng lao động, sắp xếp lao động hợp lý, những bộ phận có công nhân xin nghỉ việc, Công ty bố trí công nhân đội khác bổ sung, hạn chế tuyển thêm lao động; thực hiện quyết liệt các biện pháp nâng cao năng suất lao động, từng bước cải thiện thu nhập, đảm bảo đời sống người lao động được ổn định và tăng lên. Chú trọng công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo và tuyển dụng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của Công ty. Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo các phòng, các đội bảo đảm đủ năng lực quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và tham mưu tốt cho Ban Giám đốc Công ty.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của HĐQT

Báo cáo Ban Kiểm soát

**Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban
Kiểm soát**

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lương Minh Nhật – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 37.650 cổ phần
- Đại diện phần vốn nhà nước: 566.680 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Hồng Vy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 46.750 cổ phần
- Đại diện phần vốn nhà nước: 283.340 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần
- Đại diện phần vốn nhà nước: 0 cổ phần

Ông Nguyễn Minh Nhật – Thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần
- Đại diện phần vốn nhà nước: 0 cổ phần

Ông Đào Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện phần vốn nhà nước: 241.340 cổ phần

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng – Trưởng Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện phần vốn nhà nước: 0 cổ phần

Ông Lại Thanh Nhàn – Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần
- Đại diện phần vốn nhà nước: 0 cổ phần

Ông Võ Phước Toàn – Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần
- Đại diện phần vốn nhà nước: 0 cổ phần



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công tác quản trị

Nhằm tăng cường các nguyên tắc và quy chế quản trị doanh nghiệp sau khi Công ty thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty đã ban hành và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế các quy định quản trị nội bộ bao gồm:

- Quy chế quy định thủ tục quản trị cơ bản
- Quy chế công bố thông tin
- Quy chế kiểm soát nội bộ
- Quy chế lao động đối với CB-CNV

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Lương Minh Nhật	Chủ tịch	4/4	100%
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Vy	Thành viên	4/4	100%
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Thành viên	4/4	100%
4	Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên	4/4	100%
5	Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	4/4	100%

Các nghị quyết của hội đồng quản trị

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số:20/NQĐHĐCĐ-ĐTTA	27/4/2018	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
2	Số:22 /NQ-ĐTTA	9/5/2018	Về việc chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông
3	Số : 28/QĐ-ĐTTA	6/6/2018	Về việc đầu tư mua mới một xe ô tô chuyên dùng chở rác
4	Số: 29/QĐ-ĐTTA	06/06/2018	Về việc phê duyệt giá trị đầu tư mua mới một xe ô tô chuyên dùng chở rác



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát xin thông báo với đại hội đồng cổ đông như sau

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban giám đốc điều hành.

Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, ban điều hành trong kỳ đã thực hiện đúng nhiệm vụ được đại hội đồng cổ đông giao

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính
- Thẩm định tính đầy đủ trung thực, hợp pháp của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính quý, bán niên và thường niên.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát hiện nay bao gồm 3 thành viên, trong đó có trưởng ban là chuyên trách tại công ty. Việc kiểm tra và yêu cầu các bộ phận phối hợp trong các kỳ kiểm tra định kỳ và đột xuất diễn ra thường xuyên.
- Ban kiểm soát đều được mời dự trong các cuộc họp HĐQT thường kỳ, và có nêu ý kiến, báo cáo với cuộc họp về việc kiểm tra giám sát của Ban.

Các cuộc họp trong năm với ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng	Trưởng ban	4/4	100%
2	Ông Lại Thanh Nhân	Thành viên	4/4	100%
3	Ông Võ Phước Toàn	Thành viên	4/4	100%

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích năm 2018

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng-Thù lao HĐQT - khác
1	Hội đồng quản trị		
	Ông Lương Minh Nhựt	312.589.615	59.560.000
	Bà Nguyễn Thị Hồng Vy	282.461.877	55.560.000
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc	229.730.927	48.560.000
	Ông Nguyễn Minh Nhựt	230.576.707	48.560.000
	Ông Đào Mạnh Hùng		10.520.000
2	Ban kiểm soát		
	Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng		12.400.000
	Ông Lại Thanh Nhân	127.529.610	30.060.000
	Ông Võ Phước Toàn	107.406.785	29.860.000
3	Ban điều hành		
	Bà Nguyễn Thị Hồng Vy	282.461.877	55.560.000
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc	229.730.927	48.560.000
	Ông Nguyễn Minh Nhựt	230.576.707	48.560.000





BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018

Ý kiến kiểm toán viên
Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018



Sao Viet Auditing Company Limited

386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-8) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn

Số: 113/BCKT-2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 23 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Đô thị Tân An** tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



ĐINH TAN TƯỜNG
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0175-2018-107-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN MẠNH QUÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0180-2018-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.247.314.427	25.346.706.785
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.371.460.088	11.704.936.224
1. Tiền	111		10.280.328.844	5.179.052.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.091.131.244	6.525.884.175
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.755.880.530	10.195.829.090
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	10.020.826.165	10.177.740.467
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	137.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	241.269.765	106.174.765
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(506.215.400)	(225.586.142)
IV. Hàng tồn kho	140		4.735.692.462	2.216.253.544
1. Hàng tồn kho	141	V.4	4.735.692.462	2.216.253.544
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		384.281.347	1.229.687.927
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	384.281.347	939.233.382
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	290.454.545
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.012.779.997	11.767.872.015
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		7.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		10.333.491.782	8.775.573.005
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	10.333.491.782	8.775.573.005
- Nguyên giá	222		22.047.983.514	18.852.528.968
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.714.491.732)	(10.076.955.963)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.904.545.455
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.904.545.455
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.672.288.215	87.753.555
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	1.672.288.215	87.753.555
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		38.260.094.424	37.114.578.800

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.885.799.951	15.597.891.448
I. Nợ ngắn hạn	310		14.776.799.951	14.303.891.448
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	5.824.321.414	5.075.373.304
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	312.408.800	134.080.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	729.441.918	876.428.600
4. Phải trả người lao động	314		1.363.743.621	2.125.785.431
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		89.760.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	5.978.975.882	5.604.039.537
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		478.148.316	488.184.576
II. Nợ dài hạn	330		1.109.000.000	1.294.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.7	1.109.000.000	1.294.000.000
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.374.294.473	21.516.687.352
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	22.374.294.473	21.516.687.352
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.167.000.000	14.167.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.167.000.000	14.167.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.207.294.473	7.349.687.352
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		38.260.094.424	37.114.578.800

TP. Tân An, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



Phan Thanh Nhân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	89.635.265.423	70.145.816.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		89.635.265.423	70.145.816.489
4. Giá vốn hàng bán	11		76.574.632.666	59.161.945.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.060.632.757	10.983.871.268
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	119.466.999	219.610.858
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		74.222.137	69.270.074
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	7.719.209.813	6.483.717.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.386.667.806	4.650.494.116
11. Thu nhập khác	31		52.113.550	35.261.347
12. Chi phí khác	32	VI.4	15.980.519	13.005.596
13. Lợi nhuận khác	40		36.133.031	22.255.751
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.422.800.837	4.672.749.867
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	1.134.765.231	945.112.874
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.288.035.606	3.727.636.993
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.6	2.554	2.237
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.6	2.554	2.237

TP. Tân An, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thanh Nhân

Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.422.800.837	4.672.749.867
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.6	1.637.535.769	1.402.635.636
- Các khoản dự phòng	03	VI.3	280.629.258	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.2	(119.466.999)	(218.986.262)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.221.498.865	5.856.399.241
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		442.773.847	4.627.259.900
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.519.438.918)	(769.100.903)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.513.671.516	(1.126.785.061)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.029.582.625)	(814.464.440)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(945.112.874)	(969.644.721)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(653.241.600)	(531.101.367)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.030.568.211	6.272.562.649
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.060.954.546)	(589.261.250)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.394.339
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.2	119.466.999	219.610.858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.941.487.547)	(368.256.053)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
 BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.422.556.800)	(1.823.241.363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.422.556.800)	(1.823.241.363)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(333.476.136)	4.081.065.233
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	11.704.936.224	7.623.870.991
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	11.371.460.088	11.704.936.224

TP. Tân An, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Phan Thanh Nhân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đô thị Tân An (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 10 năm 2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2013, thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 03 năm 2015, thay đổi lần thứ 5 ngày 23 tháng 11 năm 2015.

2. Trụ sở chính Đặt tại số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, Thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động của Công ty là:

- Thu gom, vận hành, xử lý rác thải đô thị và xử lý nước thải công nghiệp;
- Tư vấn thiết kế xây dựng dân dụng, chiếu sáng đô thị, công trình giao thông, công viên, cây xanh đô thị;
- Xây dựng, vận hành hệ thống: cấp nước, thoát nước đô thị, công viên, cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị, đèn tín hiệu giao thông và điện trung hạ thế; Quản lý, duy tu và xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị;
- Mua, bán phân bón cây kiểng; Mua, bán công cụ làm vườn; Mua, bán và nhận ký gởi cây kiểng, hòn non bộ;
- Xử lý môi trường;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân, dịch vụ tang lễ;
- Cho thuê mặt bằng, dịch vụ vui chơi, giải trí và kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ chăm sóc cây cảnh sân vườn;
- Dịch vụ dọn dẹp vệ sinh, lắp đặt, sửa chữa hệ thống điện, nước hộ gia đình, cơ quan, doanh nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là sổ nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền : Bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

5. Các chính sách đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng vào thời điểm kết thúc năm tài chính, và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính được áp dụng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản cụ thể như sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Loại tài sản cố định	Năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	10 năm

7. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp, và được phân bổ theo đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa, và được phân loại khi lập Báo cáo tài chính, cụ thể:

- Có thời hạn thanh toán dưới không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là nợ dài hạn;

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng nếu Công ty có bằng chứng đáng tin cậy về chi phí ước tính phải chịu trong tương lai thì được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, nhằm giảm sự gia tăng chi phí đột biến khi chi phí phát sinh thực tế. Chênh lệch (nếu có) giữa chi phí phát sinh thực tế với số đã trích, sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm phát sinh chi phí thực tế.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ công ty cũng như các quy định pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận thỏa mãn các nguyên tắc sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc đã thực thu tiền.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	337.056.451	547.748.424
Tiền gửi ngân hàng	9.943.272.393	4.631.303.625
Các khoản tương đương tiền	1.091.131.244 (*)	6.525.884.175
Cộng	11.371.460.088	11.704.936.224

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng và lãi nhập gốc tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bệnh viện Đa khoa Long An	498.220.685	-
Công ty Cổ phần Đồng Tâm	250.000.000	-
Phòng quản lý đô thị Thành phố Tân An	8.034.473.828	9.298.698.742
Công ty TNHH Xây dựng TM Việt Thành Phát	114.780.000	-
Khách hàng khác	1.123.351.652	879.041.725
Cộng	10.020.826.165	10.177.740.467

3. Phải thu ngắn hạn khác là khoản tạm ứng của nhân viên Công ty.

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	809.877.961	892.898.476
Công cụ, dụng cụ	325.445.251	152.819.380
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	407.605.000	19.485.000
Hàng hóa	3.156.911.281	1.151.050.688
Hàng gửi đi bán	35.852.969	-
Cộng	4.735.692.462	2.216.253.544

5. Chi phí trả trước

	Tăng		Phân bổ		Số cuối năm
	Số đầu năm	trong năm	Phân loại lại	trong năm	
Chi phí trả trước ngắn hạn	939.233.382	408.598.912	(872.111.575)	91.439.372	384.281.347
Chi phí trả trước dài hạn	87.753.555	1.306.180.037	872.111.575	593.756.952	1.672.288.215
Cộng	1.026.986.937	1.714.778.949	-	685.196.324	2.056.569.562

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa	Phương tiện	Thiết bị, dụng	Tổng cộng
	vật kiến trúc	vận tải	cụ quản lý	
Nguyên giá TSCĐ				
Số đầu năm	2.901.444.722	15.918.314.045	32.770.201	18.852.528.968
Tăng trong năm	-	3.195.454.546	-	3.195.454.546
Mua sắm	-	3.195.454.546	-	3.195.454.546
Giảm thanh lý	-	-	-	-
Số cuối năm	2.901.444.722	19.113.768.591	32.770.201	22.047.983.514
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	444.903.307	9.606.517.841	25.534.815	10.076.955.963
Khấu hao trong năm	110.257.352	1.525.093.737	2.184.680	1.637.535.769
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	555.160.659	11.131.611.578	27.719.495	11.714.491.732
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.456.541.415	6.311.796.204	7.235.386	8.775.573.005
Số cuối năm	2.346.284.063	7.982.157.013	5.050.706	10.333.491.782

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 3.098.132.031 đồng.

7. Phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	5.824.321.414	5.075.373.304
Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Hiệp	1.063.573.000	-
Phòng tài chính Thành phố Tân An	185.000.000 (*)	185.000.000
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Đông Phương	-	380.696.976
Phòng Tài chính – Kế hoạch TP. Tân An	-	1.161.122.155
Công ty CP ĐT PT Tâm Sinh Nghĩa	3.694.896.000	-
Các nhà cung cấp khác	880.852.414	3.348.554.173
Phải trả người bán dài hạn	1.109.000.000	1.294.000.000
Phòng tài chính Thành phố Tân An	1.109.000.000 (*)	1.294.000.000
Cộng	6.933.321.414	6.369.373.304

(*) Là khoản phải trả tiền mua xe trả chậm của Phòng Tài chính Thành phố Tân An.

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dowasen - Chi nhánh dịch vụ môi trường	-	18.000.000
Đồng Tháp	-	-
Công ty Cổ phần Xúc Tiến Thương Mại Và Phát Triển Kinh Tế	-	116.080.000
Phòng Tài chính Kế hoạch TP Tân An	187.575.800	-
Các khách hàng khác	124.833.000	-
Cộng	312.408.800	134.080.000

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	608.293.588	2.252.181.237	2.588.820.276	271.654.549
Thuế thu nhập doanh nghiệp	268.135.012	1.134.765.231	945.112.874	457.787.369
Thuế thu nhập cá nhân	-	159.359.789	159.359.789	-
Cộng	876.428.600	3.546.306.257	3.693.292.939	729.441.918

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ đất nghĩa trang	74.000.000	74.000.000
Cổ tức phải trả	5.888.705.882	5.524.039.537
Khác	16.270.000	6.000.000
Cộng	5.978.975.882	5.604.039.537

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

11. Vốn chủ sở hữu

a/ Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	14.167.000.000	6.604.159.953	-	20.771.159.953
Lãi trong kỳ	-	745.527.399	3.727.636.993	4.473.164.392
Giảm trong năm	-	-	(3.727.636.993)	(3.727.636.993)
Số dư cuối năm trước	14.167.000.000	7.349.687.352	-	21.516.687.352
Tăng trong năm	-	857.607.121	4.288.035.606	5.145.642.727
Giảm trong năm	-	-	(4.288.035.606)	(4.288.035.606)
Số dư cuối năm nay	14.167.000.000	8.207.294.473	-	22.374.294.473

b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Vốn góp của Nhà nước	60,00%	8.500.200.000	60,00%	8.500.200.000
Cổ đông khác	40,00%	5.666.800.000	40,00%	5.666.800.000
Cộng	100,00%	14.167.000.000	100,00%	14.167.000.000

c/ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.416.700	1.416.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.416.700	1.416.700
+ Cổ phiếu phổ thông	1.416.700	1.416.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.416.700	1.416.700
+ Cổ phiếu phổ thông	1.416.700	1.416.700
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thi công công trình	366.862.727	1.100.039.999
Dịch vụ công ích	37.887.180.871	31.086.352.215
Sửa chữa thường xuyên cầu đường	3.086.496.364	3.809.893.636
Doanh thu xăng dầu	35.158.164.147	26.494.617.828
Doanh thu phí rác sinh hoạt	10.597.368.786	4.741.544.482
Khác	2.539.192.528	2.913.368.329
Cộng	89.635.265.423	70.145.816.489

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

2. Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.400.438.589	4.223.414.447
Chi phí vật liệu quản lý	100.305.685	92.882.243
Chi phí đồ dùng văn phòng	66.897.255	78.792.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.442.032	109.552.054
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dự phòng	280.629.258	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	291.926.735	350.758.496
Chi phí bằng tiền khác	2.466.570.259	1.628.317.919
Cộng	7.719.209.813	6.483.717.936

4. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	1.155.661
Chi phí khác	15.980.519	11.849.935
Cộng	15.980.519	13.005.596

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.422.800.837	4.672.749.867
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	251.025.318	52.814.503
- Các khoản chi phí không được trừ	251.025.318	52.814.503
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Các khoản chi mang tính phúc lợi được trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.673.826.155	4.725.564.370
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh trong năm	1.134.765.231	945.112.874
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.134.765.231	945.112.874

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.288.035.606	3.727.636.993
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	669.229.734	559.145.549
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.618.805.872	3.168.491.444
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.416.700	1.416.700

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.554	2.237
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.554	2.237
7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp	3.498.378.726	3.031.712.202
Chi phí nhân công	20.927.148.665	23.662.747.949
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.637.535.769	1.402.635.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.091.023.364	1.230.221.504
Chi phí bằng tiền khác	3.863.371.017	6.810.476.887
Cộng	31.017.457.541	36.137.794.178

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

2. Thông tin về các bên có liên quan

2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt

Trong năm 2018 Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt, chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.210.000.000	1.110.651.514
Thù lao, thưởng khác	262.944.000	314.897.000
Cộng	1.472.944.000	1.425.548.514

2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác: Không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

- Dịch vụ công ích đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông, công viên, hệ thống cấp thoát nước đô thị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Các chỉ tiêu	Kinh doanh xăng đầu	Dịch vụ xây dựng	Dịch vụ công ích	Xử lý rác	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần	35.158.164.14	3.453.359.091	32.726.860.543	15.485.280.897	2.811.600.745	89.635.265.423
Giá vốn	34.260.908.550	3.077.642.453	25.184.969.211	13.260.774.545	790.337.907	76.574.632.666
Lãi gộp	897.255.597	375.716.638	7.758.761.277	2.224.506.352	2.021.262.838	13.277.502.702
Năm trước						
Doanh thu thuần	26.494.617.828	10.688.121.692	31.086.352.215	-	1.876.724.754	70.145.816.489
Giá vốn	25.573.178.969	8.987.066.648	23.379.895.090	-	1.221.804.514	59.161.945.221
Lãi gộp	921.438.859	1.701.055.044	7.706.457.125	-	654.920.240	10.983.871.268

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên văn phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy rủi ro tín dụng nào từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.371.460.088	-	-	-	11.371.460.088
Phải thu khách hàng	9.833.250.365	-	-	-	9.833.250.365
Phải thu ngắn hạn khác	241.269.765	-	-	-	241.269.765
Cộng	21.445.980.218	-	-	-	21.445.980.218
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.704.936.224	-	-	-	11.704.936.224
Phải thu khách hàng	10.177.740.467	-	-	-	10.177.740.467
Phải thu ngắn hạn khác	106.174.765	-	-	-	106.174.765
Cộng	21.988.851.456	-	-	-	21.988.851.456

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Số cuối năm			Cộng
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
Số cuối năm				
Phải trả người bán	5.824.321.414	925.000.000	184.000.000	6.933.321.414
Các khoản phải trả khác	5.978.975.882	-	-	5.978.975.882
Cộng	11.803.297.296	925.000.000	184.000.000	12.912.297.296
Số đầu năm				
Phải trả người bán	5.075.373.304	925.000.000	369.000.000	6.369.373.304
Các khoản phải trả khác	5.604.039.537	-	-	5.604.039.537
Cộng	10.679.412.841	925.000.000	369.000.000	11.973.412.841

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do không phát sinh các khoản vay và tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định trong thời gian gửi.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.371.460.088		11.704.936.224		11.371.460.088	11.704.936.224
Phải thu khách hàng	9.833.250.365	(506.215.400)	10.177.740.467	(225.586.142)	9.327.034.965	9.952.154.325
Phải thu ngắn hạn khác	241.269.765		106.174.765		241.269.765	106.174.765
Cộng	21.445.980.218	(225.586.142)	21.988.851.456	(225.586.142)	20.939.764.818	21.763.266.314

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	6.933.321.414	6.369.373.304	6.933.321.414	6.369.373.304
Các khoản phải trả khác	5.978.975.882	5.346.257.495	5.978.975.882	5.346.257.495
Cộng	12.912.297.296	11.715.630.799	12.912.297.296	11.715.630.799

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Công ty không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập báo cáo tài chính này có thể làm sai lệch các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

TP. Tân An, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Phan Thanh Nhân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Vy



CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
 Tich HOQT

 Lương Minh Nhựt